

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 229A/2023/DS-PT

Ngày: 22/5/2023

V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

- Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Vạng

Bà Huỳnh Kim Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Trung Đến - Kiểm sát viên.

Ngày 22/5/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2023/TLPT-DS ngày 23 tháng 3 năm 2023 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2023/DS-ST ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 196/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1966; địa chỉ: Số C, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Trúc X, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số C Khóm B, TT.Lấp Vò, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Hoa T, sinh năm 1971; địa chỉ: Số C, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số G Ấp V, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đặng Thị H, sinh năm 1935;

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1968;

3. Anh Huỳnh Văn T1, sinh năm 1994;

Cùng địa chỉ: Số C, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

4. Bà Phan Thị N, sinh năm 1943;
5. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1974;
6. Chị Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm 1998;
7. Anh Nguyễn Ngọc S, sinh năm 2000;

Cùng địa chỉ: Số C, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

8. Bà Huỳnh Thị Thu V, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Số C, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà V: Chị Lê Nguyễn Thị Trúc X1, sinh năm 1989; địa chỉ: Số C Khóm B, TT.Lấp Vò, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

9. Chị Huỳnh Thị T3, sinh năm 1974;

10. Trần Thị Thanh N1, sinh năm 2001;

11. Trần Thị Thanh L, sinh năm 2008.

Cùng địa chỉ: Số C, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

12. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ: Khóm B, TT.Lấp Vò, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của ủy ban: Bà Nguyễn Thị N2- Chủ tịch UBND huyện là đại diện theo pháp luật.

- Người kháng cáo là anh Huỳnh Hoa T là bị đơn của vụ án

(Chị Trúc X2, anh Đ có mặt; UBND huyện L có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn B và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là anh Nguyễn Tuấn A trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 37 hiện do ông T đứng tên quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp trước đây là của ông nội ông B và ông T tạo lập được. Sau giải phóng thì cha của ông B là ông A và gia đình của ông T cùng sử dụng mỗi người một phần nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần diện tích mà cha của ông B sử dụng theo đo đạc thực tế là 1.109,2m². Sau khi cha ông Buộc là ông A chết (2008) thì để lại phần đất này cho ông B tiếp tục quản lý sử dụng diện tích là 970,9m² trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M10, M9 về M1 cho đến nay. Trước đó cha có cho con gái là bà Huỳnh Thị Thu V (chị gái của ông B) diện tích đo đạc thực tế là 138,3m² trong phạm vi các mốc M7, M8, M9, M10 về M7 theo sơ đồ đo đạc ngày 10/9/2020. Trên diện tích đất tranh chấp, gia đình ông B và gia đình bà V đã sử dụng cất nhà ở (Nhà tiền chế khung gỗ tạp, mái vách tole, nền gạch tàu,...), cất chuồng nuôi gà, trồng các cây trồng (Hiện nay còn trên đất: Chuối, xoài, dừa, ...) và khi cha chết cũng được chôn cất tại phần đất này. Gia đình của ông B đã sử dụng đất tranh chấp liên tục từ sau giải phóng khoảng một vài năm cho đến nay nhưng không đi kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phía ông T cũng đã nhiều lần yêu cầu ông B, bà V cùng ông T đi đăng ký kê khai phần đất

của mình sử dụng để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng vì hoàn cảnh khó khăn chỉ lo làm ăn và nghỉ phần đất của mình là của mình đi đăng ký kê khai lúc nào cũng được nên ông B, bà V chưa đăng ký kê khai. Một thời gian sau thấy ông T làm hàng rào ở phía sau nhà ông B, bà V tranh cãi thì mới biết ông T đã tự mình đi đăng ký kê khai và khi đăng ký, kê khai thì ông T đã kê khai luôn phần đất của ông B và bà V đang quản lý sử dụng. Vào tháng 7/2017, ông B khiếu nại đến ủy ban nhân dân xã B, tại phiên làm việc ở xã ông T cho rằng ông T có kêu ông B đi kê khai đăng ký phần đất của mình sử dụng nhưng ông B không đi đăng ký kê khai nên ông T đi kê khai, được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2001 toàn bộ phần đất của ông nội để lại trong đó có phần đất của ông B và bà V đã sử dụng từ trước đến nay và không chịu sang tên lại cho ông B, bà V. Năm 2020, ông B có sửa lại nhà tường khung bê tông, cột thép, nền gạch men, mái tole sóng vuông, vách tường như hiện nay và gia đình của ông T cũng không có ý kiến gì. Như vậy, mặc dù gia đình ông B không đi đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng phía gia đình của ông B cũng không từ bỏ quyền sử dụng đất của mình mà vẫn quản lý sử dụng cho đến nay. Ông T cho rằng do gia đình ông B không đi đăng ký kê khai nên ông T được quyền đăng ký kê khai phần đất của ông B, bà V là không đúng quy định của pháp luật.

Nay ông Huỳnh Văn B yêu cầu Tòa án xác định phần diện tích đất tranh chấp là của ông B và buộc ông Huỳnh Hoa T có nghĩa vụ giao cho ông B được quyền quản lý sử dụng phần đất theo đo đạc thực tế là 970,9m², mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M10, M9 về M1 theo sơ đồ đo đạc ngày 10/9/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L thuộc một phần thửa đất số 01, tờ bản đồ số 37 hiện do ông T đứng tên quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Đối với nhà cửa, cây cối và vật kiến trúc có trên đất thì không yêu cầu Tòa án giải quyết, khi Tòa án xét xử đất thuộc về ai thì người đó được quản lý sử dụng hoặc tự di dời.

Người đại diện hợp pháp của bà Huỳnh Thị Thu V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, chị Lê Nguyễn Thị Trúc X1 trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 37 hiện do ông T đứng tên quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp trước đây là của ông nội bà V là ông Huỳnh Văn C, ông nội bà V để lại cho cha bà V là ông Huỳnh Văn A1 diện tích theo đo đạc thực tế là 1.109,2m². Sau khi bà V có chồng nên ông A1 cho bà V phần đất để cất nhà ra ở riêng (việc cha cho đất chỉ nói miệng không có làm giấy tờ, trong phần diện tích mà ông C cho ông A1), phần đất diện tích theo đo đạc thực tế là 138,3m² (M7, M8, M9, M10 về M7 theo sơ đồ đo đạc ngày 10/9/2020). Sau khi được cho đất bà V cất một căn nhà gỗ, lợp lá để ở, bà V ở trên căn nhà này từ đó đến nay có sửa chữa nhà nhiều lần. Đến năm 1999, bà V xây dựng nhà tường kiên cố như hiện nay, suốt quá trình bà V sử dụng đất ông T không có tranh chấp gì. Hiện căn nhà và đất này do hộ bà V sử dụng.

Nay bà Huỳnh Thị Thu V yêu cầu Tòa án buộc ông Huỳnh Hoa T trả lại cho bà V phần quyền sử dụng đất diện tích đất theo đo đạc thực tế là 138,3m² (M7, M8, M9, M10 về M7 theo sơ đồ đo đạc ngày 10/9/2020) thuộc một phần thửa đất số 01,

tờ bản đồ số 37 hiện do ông T đứng tên quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Đối với nhà cửa, cây cối và vật kiến trúc có trên đất thì không yêu cầu Tòa án giải quyết, khi Tòa án xét xử đất thuộc về ai thì người đó được quản lý sử dụng hoặc tự di dời.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay bị đơn là ông Huỳnh Hoa T cũng như người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ cùng trình bày:

Thừa nhận nguồn gốc thửa đất số thửa đất số 01, tờ bản đồ số 37 hiện do ông T đứng tên quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp là của ông nội là Huỳnh Văn C để lại cho cha mẹ ông T là ông Huỳnh Văn T4 và bà Phan Thị N từ năm 1976. Sau đó gia đình di tản cư ở Cần Thơ đến năm 1973, cha ông Thám chết, đến khoảng năm tám mươi mấy thì bà N cùng các con về tại phần đất này để tiếp tục quản lý sử dụng đất. Việc ông nội cho đất thì không có làm giấy tờ gì. Năm 1995, cha ông Buộc là ông A1 mới từ Cần Thơ về có xin bà N cất nhà ở nhờ, vị trí dưới dưới mé sông cạnh nhà của gia đình bà N. (tại phiên tòa ông T trình bày gia đình ông A1 sau khi tản cư thì vào khoảng năm một chín tám mươi mấy cũng về xin bà N cất nhà ở mé sông, vị trí dưới mé sông cạnh nhà của gia đình bà N). Năm 2004 - 2005, do Nhà nước làm đường nên gia đình của bà N dời nhà lên phần đất phía trên và ông A1 cũng xin bà N dời nhà từ mé sông lên vị trí nhà của ông B như hiện tại. Quá trình sử dụng ông B đã có hành vi lấn thêm đất, ông T đã nhiều lần yêu cầu ông B không được lấn thêm đất nhưng phía ông B vẫn lén lút trồng cây trên đất mà không có sự đồng ý của ông T. Năm 2008, ông A1 chết ông B tiếp tục sử dụng nhà của ông A1. Khi ông A1 chết thì ông B có xin bà N cất ngôi mộ của ông A1 phía sau nhà ông B do chỗ bà con nên bà N đồng ý. Việc ông B xin bà N đất chôn ông A1 trên phần đất tranh chấp thì không có giấy tờ gì.

Trước khi ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phần diện tích đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai đứng tên. Từ trước đến nay gia đình của ông T phải đóng thuế sử dụng đất, do gia đình ông B sử dụng đất nhưng không đóng thuế đất nên đã nhiều lần ông T yêu cầu gia đình ông B đi đăng ký kê khai phần đất mà ông B sử dụng để phía gia đình ông Thám phải đóng thuế sử dụng đất. Do phía gia đình ông B không đồng ý kê khai đăng ký phần đất mình sử dụng để thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà nước nên ông T đã đi đăng ký kê khai cả phần đất mà phía gia đình ông B sử dụng. Đến năm 2001, UBND huyện đã cấp quyền sử dụng đất cho hộ ông T thuộc thửa 34b, tờ bản đồ 2, diện tích 2.182m² không có đo đạc thực tế, ông B cũng không có tranh chấp gì. Tháng 6/2014 âm lịch, do ông B sử dụng đất lấn qua phần đất phía sau của gia đình bà N, ông T nên ông T rào hàng rào trụ đá, lưới B40, ông B không ngăn cản hay có ý kiến gì. Tháng 11/2014, ông T làm thủ tục cấp đổi thành thửa đất số 01, tờ bản đồ số 37, diện tích 2.470,9m² do hộ ông Huỳnh Hoa T và bà Nguyễn Thị T2 đứng tên quyền sử dụng, có đo đạc thực tế, ông B, bà V không có ý kiến hay tranh chấp gì. Tháng 7/2017, ông B tranh chấp đất với ông T ở ấp rồi đến xã. UBND xã B có mời ông T đến làm việc, nhưng hòa giải không thành, nên xã có lập thành

biên bản ông T ký tên biên bản rồi ra về. Tháng 11/2017, ông T làm thủ tục đăng ký biến động tên chủ sử dụng đất từ hộ gia đình sang cá nhân ông T, ngày 22/12/2017, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 01, tờ bản đồ số 37, diện tích 2470,9m² sang cá nhân ông Huỳnh Hoa T đứng tên quyền sử dụng, không có đo đạc thực tế, ông B, bà V cũng không có ý kiến hay tranh chấp gì.

Nay ông Thẩm k đồng ý theo yêu cầu của ông B và bà V, ông T yêu cầu Tòa án buộc ông B và bà V di dời nhà, vật kiến trúc, cây trồng trên đất trả lại cho ông B phần diện tích đất theo đo đạc thực tế là 1.109,2m² (M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9 về M1 theo sơ đồ đo đạc ngày 10/9/2020) thuộc một phần thửa đất số 01, tờ bản đồ số 37 hiện do ông Huỳnh Hoa T đứng tên quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Đối với ngôi mộ của ông Huỳnh Văn Ấ1 thì ông T vẫn đồng ý cho tồn tại trên đất của ông Thẩm k yêu cầu ông B phải di dời. Đối với nhà cửa, cây trồng và vật kiến trúc có trên đất thì gia đình ông B và bà V phải di dời.

Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông T, bà V thì ông T yêu cầu ông B và bà V trả lại giá trị quyền sử dụng đất cho ông T theo giá mà Hội đồng định giá đã định.

* Tại quyết định của bản án sơ thẩm số 10/2023/DS-ST ngày 09/02/2023, Toà án nhân dân huyện Lấp Vò đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn B.

1.1. Buộc ông Huỳnh Hoa T có nghĩa vụ di dời hàng rào và tài sản có trên đất để giao cho ông Huỳnh Văn B quyền sử dụng đất diện tích 970,9m² mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M10, M9 về M1 theo sơ đồ đo đạc ngày 10/9/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L thuộc một phần thửa 01, tờ bản đồ số 37, đất tọa lạc tại xã B, huyện L, Đồng Tháp, được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Hoa T vào ngày 22/12/2017.

1.2. Ông Huỳnh Văn B được quyền sử dụng diện tích 970,9m² mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M10, M9 về M1 theo sơ đồ đo đạc ngày 10/9/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L thuộc một phần thửa 01, tờ bản đồ số 37, đất tọa lạc tại xã B, huyện L, Đồng Tháp, được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Hoa T vào ngày 22/12/2017.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà Huỳnh Thị Thu V.

2.1. Buộc ông Huỳnh Hoa T có nghĩa vụ giao cho bà Huỳnh Thị Thu V quyền sử dụng đất diện tích đất theo đo đạc thực tế là 138,3m² mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm trong phạm vi các mốc M7, M8, M9, M10 về M7 theo sơ đồ đo đạc ngày 10/9/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L thuộc một phần thửa 01, tờ bản đồ số 37, đất tọa lạc tại xã B, huyện L, Đồng Tháp, được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Hoa T vào ngày 22/12/2017.

2.2. Bà Huỳnh Thị Thu V được quyền sử dụng, diện tích đất theo đo đạc thực tế là 138,3m² mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm trong phạm vi các mốc M7, M8, M9, M10 về M7 theo sơ đồ đo đạc ngày 10/9/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L thuộc một phần thửa 01, tờ bản đồ số 37, đất tọa lạc tại xã B, huyện L, Đồng Tháp, được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Hoa T vào ngày 22/12/2017.

3. Đề nghị Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ thu hồi quyền sử dụng đất đối với diện tích 970,9m² từ các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M10, M9 về M1 theo sơ đồ đo đạc ngày 10/9/2020 của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L thuộc một phần thửa 01, tờ bản đồ số 37, đất tọa lạc tại xã B, huyện L, Đồng Tháp, được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Hoa T vào ngày 22/12/2017 để cấp lại cho ông Huỳnh Văn B.

4. Đề nghị Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ thu hồi quyền sử dụng đất đối với diện tích 138,3m² từ các mốc M7, M8, M9, M10 về M7 theo sơ đồ đo đạc ngày 10/9/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L thuộc một phần thửa 01, tờ bản đồ số 37, đất tọa lạc tại xã B, huyện L, Đồng Tháp, được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Hoa T vào ngày 22/12/2017 để cấp lại cho bà Huỳnh Thị Thu V.

(Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 29/6/2018, biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ bổ sung ngày 03/3/2020, Biên bản khảo sát hiện trạng ngày 25/6/2020, Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ bổ sung ngày 14/10/2022 của Toà án nhân dân huyện Lấp Vò và Sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp ngày 10/9/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp).

5. Về án phí:

5.1 Ông Huỳnh Văn B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.889.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số BG/2015/0001340 ngày 05/02/2018.

5.2 Bà Huỳnh Thị Thu V không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự. Hoàn trả cho bà V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 337.500 đồng Biên lai thu tạm ứng án phí số BI/2019/0005848 ngày 10/7/2020.

5.3 Buộc ông Huỳnh Hoa T phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.989.000đ (Năm triệu chín trăm tám mươi chín nghìn đồng).

6. Về chi phí tố tụng khác: Buộc ông Huỳnh Hoa T phải nộp số tiền 3.594.000đ để trả lại cho ông B và nộp số tiền 300.000đ để trả lại cho bà V.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/02/2023, anh Huỳnh Hoa T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc hộ gia đình ông Huỳnh Văn B, hộ gia đình bà Huỳnh Thị Thu V di dời nhà cửa, vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi ra khỏi phần

đất thuộc thửa số 01, tờ BĐ số 37, tọa lạc tại xã B, đất được cấp giấy chứng nhận do ông đứng tên.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

+ Anh Huỳnh Hoa T có người đại diện theo ủy quyền là anh Nguyễn Văn Đ vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến: Xét kháng cáo của ông Huỳnh Hoa T là không có căn cứ; nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Huỳnh Hoa T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông Huỳnh Hoa T, ông Huỳnh Văn B và bà Huỳnh Thị Thu V đều xác định nguồn gốc toàn bộ phần đất mà ông T đứng tên quyền sử dụng, trong đó có phần đất tranh chấp do hộ ông B và hộ bà V sử dụng, thuộc thửa số 01, tờ bản đồ số 37 là của ông nội ông T, ông B và bà V, là ông ông Huỳnh Văn C tạo lập.

Đối với diện tích đất tranh chấp thì theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện là trước năm 1990, khi còn sống, ông C đã cho ông Huỳnh Văn A1 sử dụng, phần còn lại thì cho cha của ông B, là ông Huỳnh Văn T4 và là anh em với ông A1 sử dụng. Lúc đó, phần đất này chưa được cấp quyền sử dụng đất. Sau đó, ông A1 cho bà V một phần diện tích đất để ở và trồng cây khi bà V lập gia đình ra ở riêng, là diện tích đất tranh chấp bà V đang sử dụng, là 138,3m² (trong phạm vi các mốc M7, M8, M9, M10 về M7 theo sơ đồ đo đạc), diện tích đất còn lại là 970,9m² (trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M10, M9 về M1) hộ ông A1, trong đó có ông B, vẫn tiếp tục quản lý, sử dụng đến năm 2008 ông A1 chết thì ông B tiếp tục quản lý, sử dụng cho đến nay và ông A1 cũng được ông B chôn cất trên phần đất này. Trong suốt quá trình gia đình ông A1, sau đó là ông B và bà V quản lý, sử dụng (cất nhà và trồng cây...) thì phía gia đình ông T đều không có ý kiến hay tranh chấp gì.

Mặt khác, tại Biên bản hòa giải ngày 06/7/2017 của UBND xã B, ông T trình bày: *“Đúng phần đất tranh chấp là đất của ông nội để lại, trước đó lúc chưa đăng ký quyền sử dụng tôi có gặp ông B nói phần đất anh đang ở thì anh đi đăng ký quyền sử dụng đất với nhà nước đi, nếu không sau này con cháu lu bu lắm, sau một thời gian tôi có nói tiếp nhưng ông B vẫn không làm và sau đó tôi có trực tiếp đến địa chính xã để làm giấy CNQSD đất...”*. Điều này chứng tỏ ông T cũng đã thừa nhận phần đất tranh chấp này là của gia đình ông B và gia đình ông B đã sử dụng trước thời điểm ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Như vậy, có căn cứ xác định phần đất tranh chấp đã được ông C cho ông A1 sử dụng từ trước năm 1990 và sau đó ông A1 cho bà V sử dụng một phần, phần còn lại thì sau khi ông A1 chết, ông B tiếp tục quản lý, sử dụng cho đến nay và việc Ủy ban nhân dân huyện L cấp quyền sử dụng đất cho ông T đối với diện tích tranh chấp nêu trên là không đúng đối tượng.

Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông B, bà V; bác toàn bộ yêu cầu của ông B; công nhận cho ông B được quyền sử dụng diện tích 970,9m² (trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M10, M9 về M1); công nhận cho bà V được quyền sử dụng diện tích đất 138,3m² (trong phạm vi các mốc M7, M8, M9, M10 về M7) đồng thời buộc ông T phải có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời hàng rào và tài sản khác nếu có phát sinh ra khỏi phần đất đề giao đất cho ông B và bà V quản lý sử dụng, là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Hoa T cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện cũng như yêu cầu kháng cáo của ông T là có căn cứ, đồng thời tại phiên tòa sơ thẩm ông T khai bà N về năm 1988-1989 thì cũng xác định là đất cha mẹ để lại ở, đất cây lâu năm và nguồn gốc đất này ông C đã có trồng cây trước đó nay đã chết không còn nên đất không phải là đất lúa theo lời khai của người ủy quyền tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu về việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và không có kiến nghị. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Hoa T, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ và phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên anh Huỳnh Hoa T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 148 và khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 100, Điều 166, Điều 170, Điều 179 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Hoa T.
- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 10/2023/DS-ST ngày 09/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lập Vò.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn B.

1.1. Buộc ông Huỳnh Hoa T có nghĩa vụ di dời hàng rào và tài sản có trên đất để giao cho ông Huỳnh Văn B quyền sử dụng đất diện tích 970,9m² mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M10, M9 về M1 theo sơ đồ đo đạc ngày 10/9/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L thuộc một phần thửa 01, tờ bản đồ số 37, đất tọa lạc tại xã B, huyện L, Đồng Tháp, được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Hoa T vào ngày 22/12/2017.

1.2. Ông Huỳnh Văn B được quyền sử dụng diện tích 970,9m² mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M10, M9 về M1 theo sơ đồ đo đạc ngày 10/9/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L thuộc một phần thửa 01, tờ bản đồ số 37, đất tọa lạc tại xã B, huyện L, Đồng Tháp, được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Hoa T vào ngày 22/12/2017.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà Huỳnh Thị Thu V.

2.1. Buộc ông Huỳnh Hoa T có nghĩa vụ giao cho bà Huỳnh Thị Thu V quyền sử dụng đất diện tích đất theo đo đạc thực tế là 138,3m² mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm trong phạm vi các mốc M7, M8, M9, M10 về M7 theo sơ đồ đo đạc ngày 10/9/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L thuộc một phần thửa 01, tờ bản đồ số 37, đất tọa lạc tại xã B, huyện L, Đồng Tháp, được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Hoa T vào ngày 22/12/2017.

2.2. Bà Huỳnh Thị Thu V được quyền sử dụng, diện tích đất theo đo đạc thực tế là 138,3m² mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm trong phạm vi các mốc M7, M8, M9, M10 về M7 theo sơ đồ đo đạc ngày 10/9/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L thuộc một phần thửa 01, tờ bản đồ số 37, đất tọa lạc tại xã B, huyện L, Đồng Tháp, được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Hoa T vào ngày 22/12/2017.

3. Đề nghị Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ thu hồi quyền sử dụng đất đối với diện tích 970,9m² từ các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M10, M9 về M1 theo sơ đồ đo đạc ngày 10/9/2020 của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L thuộc một phần thửa 01, tờ bản đồ số 37, đất tọa lạc tại xã B, huyện L, Đồng Tháp, được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Hoa T vào ngày 22/12/2017 để cấp lại cho ông Huỳnh Văn B.

4. Đề nghị Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ thu hồi quyền sử dụng đất đối với diện tích 138,3m² từ các mốc M7, M8, M9, M10 về M7 theo sơ đồ đo đạc ngày 10/9/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L thuộc một phần thửa 01, tờ bản đồ số 37, đất tọa lạc tại xã B, huyện L, Đồng Tháp, được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Hoa T vào ngày 22/12/2017 để cấp lại cho bà Huỳnh Thị Thu V.

(Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 29/6/2018, biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ bổ sung ngày 03/3/2020, Biên bản khảo sát hiện trạng ngày 25/6/2020, Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ bổ sung ngày 14/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò và Sơ đồ đo đạc phân đất tranh chấp ngày 10/9/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp).

5. Về án phí sơ thẩm:

5.1 Ông Huỳnh Văn B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.889.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số BG/2015/0001340 ngày 05/02/2018.

5.2 Bà Huỳnh Thị Thu V không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự. Hoàn trả cho bà V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 337.500 đồng Biên lai thu tạm ứng án phí số BI/2019/0005848 ngày 10/7/2020.

5.3 Buộc ông Huỳnh Hoa T phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.989.000đ (Năm triệu chín trăm tám mươi chín nghìn đồng).

6. Về chi phí tố tụng khác: Buộc ông Huỳnh Hoa T phải nộp số tiền 3.594.000đ để trả lại cho ông B và nộp số tiền 300.000đ để trả lại cho bà V.

7. Về án phí phúc thẩm: Ông Huỳnh Hoa T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0016482 ngày 07/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GD & KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Lấp Vò;
- Chi cục THADS huyện Lấp Vò;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy